

Nuorten joukkueshakin SM 2026

Cập nhật ngày: 26.09.2026 17:54:02

Xếp hạng sau ván 4

Hạng	Số	Đội	Ván cờ	+	=	-	HS1	HS2	HS3	HS4	HS5
1	3	Aatos	4	3	1	0	7	9	1	3	37,5
2	2	MatSK 1	4	3	1	0	7	9	1	3	36,5
3	5	Chess Galaxy	4	3	0	1	6	8	0	3	24
4	8	EtVaS	4	3	0	1	6	8	0	3	21,5
5	1	TuTS 1	4	3	0	1	6	7	0	3	23
6	4	MatSK 2	4	2	0	2	4	7,5	0	2	13
7	7	TammerSh 1	4	2	0	2	4	7	0	2	21
8	6	Gambiitti	4	2	0	2	4	7	0	2	18
	9	TuTS 2	4	2	0	2	4	7	0	2	18
10	13	TammerSh 2	4	2	0	2	4	5,5	0	2	5
11	11	HSC	4	2	0	2	4	4,5	0	2	4
12	10	MatSK 3	4	1	0	3	2	5	0	1	17,5
13	16	PSY	4	1	0	3	2	4	0	1	8
14	14	TuTS 3	4	1	0	3	2	3	0	1	0
15	15	MatSK 4	4	0	1	3	1	2,5	0	0	2
16	12	HämSK	4	0	1	3	1	2	0	0	2

Ghi chú

Hệ số phụ 1: Matchpoints (2 for wins, 1 for Draws, 0 for Losses)

Hệ số phụ 2: points (game-points)

Hệ số phụ 3: The results of the teams in then same point group according to Matchpoints

Hệ số phụ 4: Number of wins including byes (WIN) (Matchpoints, Forfeited games count)

Hệ số phụ 5: Olympiad-Sonneborn-Berger-Tie-Break without lowest result (Khanty-Mansiysk)

Tìm tất cả chi tiết giải đấu này theo <https://chess-results.com/tnr1473815.aspx?lan=29>

Máy chủ Chess-Tournaments-Results: Chess-Results